

VIỆT NAM TRONG TƯ DUY CHIẾN LƯỢC CỦA CHÍNH QUYỀN B. OBAMA

NGUYỄN HÀ TRANG*

Tóm tắt: Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc định vị Việt Nam trong tư duy chiến lược của tổng thống B. Obama có thể kể đến bao gồm: (i) chính sách đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, (ii) sự quan tâm đối với khu vực Đông Nam Á, (iii) vấn đề an ninh ở khu vực, cụ thể ở đây là vấn đề tranh chấp ở Biển Đông. Trong tư duy chiến lược của mình, Hoa Kỳ đánh giá Việt Nam là một nhân tố có nhiều ý nghĩa trên các phương diện, trước hết là xuất phát từ nội lực phát triển của Việt Nam để tạo nên một vị thế trong khu vực, đồng thời vị trí mang tính “chiến lược” của Việt Nam, đặt trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Trên cơ sở đó, quan hệ song phương giữa hai quốc gia được thúc đẩy một cách mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, là minh chứng cho quá trình cụ thể hóa những đánh giá trong tư duy chiến lược của Hoa Kỳ đối với Việt Nam trong thực tiễn.

Từ khóa: Việt Nam - Hoa Kỳ, tư duy chiến lược, B. Obama...

1. Một số yếu tố định vị Việt Nam trong tư duy chiến lược của chính quyền B. Obama

1.1 Chính sách “tái cân bằng” ở châu Á - Thái Bình Dương

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp giáp với nhiều đại dương, là khu vực có trữ lượng dầu mỏ, khí đốt rất lớn và tập trung sự trỗi dậy kinh tế của nhiều nước, là nơi có nhiều đồng minh của Hoa Kỳ, qua đó Hoa Kỳ có thể lợi dụng xu thế toàn cầu hóa kinh tế để mở rộng quan hệ mậu dịch ở khu vực này. Về mặt kinh tế, châu Á - Thái

Bình Dương là thị trường rộng lớn nhất thế giới, chiếm 61% GDP, 47% tổng thương mại quốc tế, 48% nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tập trung 65% nguồn nguyên liệu toàn cầu⁽¹⁾. Xuất khẩu của khu vực châu Á - Thái Bình Dương chiếm 30% tổng lượng xuất khẩu của thế giới, kim ngạch thương mại mỗi năm giữa khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Mỹ vượt 1.000 triệu USD, dự trữ ngoại hối chiếm 2/3 tổng lượng của thế giới⁽²⁾. Là nơi có 7 trong số 15 đối tác thương mại hàng đầu của Mỹ như Trung Quốc, Nhật Bản,

* ThS. Nguyễn Hà Trang - Đại học Thủ Dầu Một - NCS Đại học KHXH và NV, ĐHQGHN

Hàn Quốc, Ấn Độ,..., tiêu thụ hơn 60% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của Mỹ và cũng là những nước xuất khẩu chủ yếu vào Mỹ⁽³⁾. Washington coi việc duy trì sự ổn định trên các tuyến đường vận chuyển các nguồn tài nguyên-năng lượng và hàng hoá xuất nhập khẩu ở khu vực này đóng vai trò then chốt đối với lợi ích kinh tế và an ninh của Mỹ cũng như của các quốc gia là đồng minh và đối tác của Washington⁽⁴⁾. Như vậy, để thực hiện mục tiêu chiến lược toàn cầu là tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo thế giới, Mỹ không thể không tăng cường hiện diện ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương⁽⁵⁾.

Chính sách đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Tổng thống B. Obama có thể được khái quát thông qua các văn bản và tuyên bố chính sách, bao gồm: (i) phát biểu của Ngoại trưởng Clinton về Thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương⁽⁶⁾; (ii) Bài phát biểu vào năm 2011 của Tổng thống Obama trước Quốc hội Australia; (iii) các văn bản liên quan đến Chiến lược quân sự (Defense Strategic Guidance) được công bố vào năm 2012⁽⁷⁾; (iv) bài phát biểu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Leon Panetta tại Đối thoại Shangri-La vào tháng 6/2012⁽⁸⁾; (v) bài phát biểu của Thứ trưởng Quốc phòng Ashton Carter vào tháng 8/2012⁽⁹⁾ với 8 vấn đề lớn, trong đó hai vấn đề quan trọng nhất là: 1) tăng cường tình hữu nghị và đồng minh với Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines và Australia. Đây là "các mối quan hệ đồng minh là cơ sở cho sự can dự của Mỹ đối với khu vực này"; 2) giải quyết những thách thức toàn cầu với Trung Quốc. Chính quyền Obama cam kết tăng cường mối quan hệ với Trung Quốc và các đối tác quan trọng khác trong khu

vực. Ngoài ra, các vấn đề khác bao gồm: Tăng cường mối quan hệ Mỹ-Ấn Độ; Xây dựng quan hệ hợp tác với Đông Nam Á; hạn chế sự phổ biến hạt nhân; gắn bó trực tiếp với những người ngoài chính phủ; đàm phán với Myanmar; theo đuổi các lợi ích chung thông qua đàm phán đa phương⁽¹⁰⁾. Thông qua bài phát biểu, Ngoại trưởng Hillary Clinton còn cho thấy "Hoa Kỳ sẽ không trở lại châu Á - Thái Bình Dương một cách bình thường, mà Hoa Kỳ sẽ quay trở lại với tư cách là một người lãnh đạo của khu vực này"⁽¹¹⁾.

Đây chính là nét nổi bật về chính sách đối ngoại của Tổng thống Obama, thực hiện chuyển trọng tâm chiến lược từ việc lấy quân sự làm trung tâm sang lấy kinh tế làm trung tâm, chuyển trọng tâm chiến lược quân sự và ngoại giao về châu Á - Thái Bình Dương. Điều này có ý nghĩa tích cực đối với sự ổn định và phát triển trong tương lai của khu vực⁽¹²⁾, nhằm tăng cường can dự và hiện diện ở châu Á - Thái Bình Dương, củng cố lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và quân sự.

1.2 Sự quan tâm đối với khu vực Đông Nam Á

Cùng với việc "tái cân bằng" hay chuyển trọng tâm chiến lược sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chính quyền Obama ngày càng coi trọng vai trò của Đông Nam Á, "xem việc tăng cường quan hệ với Đông Nam Á như một phần nội dung quan trọng"⁽¹³⁾. Đông Nam Á luôn có sự "đính lưu" của các nước lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên Xô (nay là Nga). Yếu tố đầu tiên khiến Đông Nam Á luôn được chú ý chính là giá trị địa chiến lược. Vị vị trí địa lý thuận lợi và là cửa ngõ giao thông

huyết mạch cho sự phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng của nhiều quốc gia, hiện nay ở khu vực này đang diễn ra sự cạnh tranh giữa nhiều nước lớn. Ở Đông Nam Á, Hoa Kỳ có 2 trong số 5 đồng minh ở châu Á là Philippines và Thái Lan. Bên cạnh đó, Singapore cũng hợp tác rất chặt chẽ với Mỹ, tạo sự tiếp cận quan trọng với các phương tiện quân sự. Các nước khác như Indonesia và Việt Nam có những lợi ích chung quan trọng với Mỹ và nhiều khả năng sẽ trở thành các đối tác an ninh và chiến lược gần gũi hơn trong thời gian tới⁽¹⁴⁾. Trong đó, Việt Nam được xem là một đối tác được phía Mỹ chú ý nhất. Các cuộc viếng thăm của các quan chức quân sự cao cấp của Mỹ và Việt Nam diễn ra trong thời gian gần đây là những thí dụ nổi bật. Có người cho rằng, gia tăng quan hệ quân sự Mỹ - Việt là Mỹ nhằm xác lập một cân bằng mới trong quan hệ của Mỹ - ASEAN và Trung Quốc⁽¹⁵⁾. Cùng tại khu vực này, Trung Quốc cũng đang cạnh tranh quyết liệt với Hoa Kỳ về đầu tư và thương mại. Hiện nay, thương mại và đầu tư của Trung Quốc vào khu vực này đã tương đương với tỷ trọng của Hoa Kỳ với khu vực⁽¹⁶⁾.

Đông Nam Á trong chính sách “xoay trục” của Hoa Kỳ có tầm quan trọng thể hiện trên các phương diện: *Về mục tiêu chính trị, an ninh*: (i) Hoa Kỳ chủ trương duy trì cân bằng lực lượng theo hướng có lợi cho mình, duy trì vai trò chi phối, lãnh đạo ở khu vực; (ii) xây dựng mối quan hệ toàn diện tại khu vực; tăng cường, đa dạng hóa các mối quan hệ đồng minh và đối tác. *Về các mục tiêu kinh tế*: (i) tận dụng thị trường khu vực; (ii) tiếp tục đẩy mạnh quan hệ kinh tế song phương với các nước trong khu vực cũng như các tổ chức kinh tế đa

phương nhằm đảm bảo sự tiếp cận thị trường Đông Nam Á.

1.3 Vấn đề tranh chấp Biển Đông

Biển Đông là vùng biển lớn thứ 2 thế giới (diện tích khoảng 3,5 triệu km²)⁽¹⁷⁾; là vùng biển hết sức quan trọng ở nhiều góc độ (về vị trí địa - chiến lược, an ninh, giao thông hàng hải và kinh tế). Đặc biệt, nằm trên tuyến đường giao thông biển huyết mạch nối liền Thái Bình dương - Ấn Độ dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - châu Á và có năm trong số mười tuyến đường biển thông thương lớn nhất trên thế giới liên quan đến biển Đông gồm: tuyến Tây Âu, Bắc Mỹ qua Địa Trung Hải, kênh đào Suez; Trung Đông đến Ấn Độ, Đông Á, Australia, New Zealand; tuyến Đông Á đi qua kênh đào Panama đến bờ Đông Bắc Mỹ và biển Caribe; tuyến Đông Á đi Australia và New Zealand, Nam Thái Bình Dương; tuyến Tây Bắc Mỹ đến Đông Á và Đông Nam Á. Do đó, Biển Đông được coi là tuyến đường vận tải quốc tế nhộn nhịp thứ hai của thế giới.

Hiện Biển Đông đã trở thành địa bàn tranh chấp của 6 quốc gia và vùng lãnh thổ. Brunei, Trung Quốc, Malaysia, Philippines, Việt Nam và Đài Loan đều tuyên bố chủ quyền đối với các vùng nước lãnh thổ và thềm lục địa ở biển Đông. Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa. Đối với quần đảo Trường Sa, Philippines, Malaysia, Đài Loan tuyên bố chủ quyền một phần; Trung Quốc và Việt Nam tuyên bố chủ quyền toàn bộ.

Từ những năm 1970 đến nay, cuộc đối đầu giữa các bên có tuyên bố chủ quyền vẫn chưa được giải quyết triệt để và chưa có dấu hiệu dừng lại. Sau khi Hiệp định

Paris về Campuchia được ký vào tháng 10/1991, các tranh chấp trên Biển Đông bắt đầu nóng trở lại, thu hút nhiều sự quan tâm hơn của dư luận trong và ngoài khu vực. Tháng 2/1992, Trung Quốc đã thông qua Luật về lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải, theo đó Trung Quốc đã nhắc lại các yêu sách của họ trên Biển Đông, và cho rằng họ có quyền sử dụng sức mạnh quân sự để bảo vệ các đảo (bao gồm cả quần đảo Trường Sa) và các vùng nước xung quanh các đảo đó⁽¹⁸⁾; đây là một sự ngang nhiên thách thức đến các biện pháp giải quyết tranh chấp hòa bình đã được nêu trong Hiến chương Liên Hợp Quốc, và đó cũng là sự khiêu khích quân sự trực tiếp đối với các nước trong khu vực.

Trong 2 thập niên đầu thế kỷ XXI, vấn đề tranh chấp đang diễn biến hết sức phức tạp, theo hướng ngày càng căng thẳng với các động thái quân sự, ngoại giao, kinh tế,... khá cứng rắn và có những thời điểm chứng kiến sự leo thang dữ dội, gây quan ngại cho cả cộng đồng quốc tế về nguy cơ xảy ra bạo lực trong khu vực. Biển Đông bình yên hay dậy sóng đang là một vấn đề được các quốc gia không chỉ trong khu vực mà còn trên thế giới rất quan tâm. Trong bối cảnh đó, chính quyền Obama nhận thức sâu sắc về những "lợi ích quốc gia" của mình tại Biển Đông, là cơ sở rất quan trọng cho việc thắt chặt các mối quan hệ đồng minh truyền thống, và tìm kiếm những đồng minh chiến lược mới trong khu vực mà Việt Nam là một trong số đó.

2. Một số biểu hiện định vị Việt Nam trong tư duy chiến lược của chính quyền B. Obama

2.1 Tính chiến lược của Việt Nam trong tư duy chiến lược của Hoa Kỳ

Tính chiến lược của Việt Nam trong tư duy của chính quyền B. Obama được thể hiện trên một số phương diện sau:

Thứ nhất, Việt Nam được đánh giá là một quốc gia đang trên đà phát triển mạnh mẽ, đặc biệt từ sau Đổi mới. Tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam đạt được nhiều thành tựu ấn tượng, xuất khẩu tăng từ 6,6% GDP năm 1986 lên 89,8% năm 2015⁽¹⁹⁾. Sau khủng hoảng năm 1997, Việt Nam phục hồi tương đối nhanh chóng với GDP bình quân đầu người tăng hàng năm trung bình hơn 5,9% trong giai đoạn 2000-2007⁽²⁰⁾. Trong những năm 2000, Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách kinh tế mới, hiệu quả, giúp Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 1/2007⁽²¹⁾. Việt Nam đang là nền kinh tế mới nổi năng động nhất trong khu vực đạt được thành tựu phát triển mạnh mẽ. Theo Báo cáo của Viện Toàn cầu McKinsey (MGI), Việt Nam là 1 trong 18 nền kinh tế được đánh giá là "đạt hiệu quả vượt trội hơn" trong vòng 50 năm qua và thuộc nhóm có kinh tế tăng trưởng GDP đầu người hơn 5% trong 20 năm qua⁽²²⁾. Việc nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh đã mở ra nhiều cơ hội cho các nước đẩy mạnh hợp tác kinh tế với Việt Nam. Sự năng động kinh tế, ổn định chính trị và vị thế địa chiến lược đang lên của Việt Nam là cơ sở, tiền đề quan trọng khiến nhiều nước lớn trên thế giới đều thúc đẩy quan hệ chiến lược với Việt Nam và đánh giá Việt Nam là một đối tác quan trọng.

Thứ hai, Việt Nam sở hữu một vị trí mang tính chiến lược, có nhiều ý nghĩa địa - chính trị. Nằm ở phía Đông của bán đảo Đông Dương giáp với Trung Quốc, Lào và

Campuchia, kết nối Đông Nam Á lục địa và hải đảo, trải dọc từ Vịnh Bắc Bộ đến Vịnh Thái Lan, là bao lớn nhìn ra Biển Đông, nằm giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, chắn trên con đường hàng hải Bắc Nam nối liền Đông Á, Bắc Á với Ấn Độ Dương, Trung Đông, châu Phi, châu Âu. Việt Nam kết nối những vị trí trọng điểm trên bản đồ chiến lược thế giới nối từ eo biển Bering (giúp kiểm soát được các tuyến hàng hải đi từ Tây Thái Bình Dương, vòng qua Bắc Cực sang châu Âu), cho đến Cape Town của Nam Phi tạo thành trục eo biển Bering - bán đảo Triều Tiên - Đài Loan - eo biển Malacca (nối Biển Đông và Ấn Độ Dương). Hiện nay, các tuyến hải trình đều phải đi qua eo biển Malacca, rất nhiều vấn đề đều nằm xoay quanh trục này. Vị trí địa lý với những ý nghĩa địa chính trị quá thực là một tài nguyên rất lớn giúp Việt Nam có vị thế hàng hải tiềm năng tạo ra ảnh hưởng ở khu vực⁽²³⁾. Bên cạnh đó, đường bờ biển dài của Việt Nam có thể cho phép các tàu hải quân, tàu chiến vào các cảng thương mại ở Đà Nẵng, vịnh Cam Ranh để tiếp nhiên liệu, bảo trì, thực hiện các dịch vụ hậu cần cũng như mở ra các khả năng tiếp cận cho các tàu chiến⁽²⁴⁾. Vị thế của Việt Nam còn được thể hiện trong việc trở thành “đầu mối” của các nỗ lực hợp tác và liên kết kinh tế cho khu vực và thế giới với tư cách là “cửa ngõ” ra biển cho vùng Tây Nam của Trung Quốc, Lào, Campuchia và miền Bắc Thái Lan, và “đầu cầu” trên đất liền, trên biển và trên không giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, giữa Âu - Mỹ và các nước trong khu vực⁽²⁵⁾. Có thể thấy, Việt Nam có những tiềm năng phát triển lớn, có các cảng nước sâu đặc biệt là Đà

Nẵng và Cam Ranh, có đường lãnh hải dài, vị trí chiến lược nằm trên các trục giao thông, tuyến thương mại huyết mạch của khu vực và quốc tế và vị trí có tính chiến lược trong phòng thủ quốc tế, chiếm vị trí trung tâm của các hoạt động kinh tế diễn ra khắp châu Á - Thái Bình Dương, góp phần tạo ra sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đối với Việt Nam.

Thứ ba, Việt Nam có vai trò quan trọng trong các tổ chức, diễn đàn đa phương ở khu vực, là một nhân tố rất có ý nghĩa. Hoa Kỳ đặt chính sách đối với Việt Nam trong tổng thể chính sách cũng như quá trình triển khai chính sách đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng, đánh giá Việt Nam là một quốc gia đang phát triển một cách nhanh chóng và ngày càng gia tăng vai trò của mình ở Đông Nam Á, một khu vực rất được Hoa Kỳ quan tâm. Việt Nam đã và đang chiếm được cảm tình trong ASEAN như một quốc gia có trách nhiệm, đáng tin cậy trong cộng đồng khu vực và quốc tế, là một nhân tố ngày càng có vai trò quan trọng trong cộng đồng ASEAN⁽²⁶⁾; các nỗ lực của Việt Nam đã góp phần giúp ASEAN thành một nhân tố quan trọng đối với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới. Việt Nam đã và đang khẳng định được vai trò của mình trong quá trình hợp tác với các thành viên APEC thông qua việc đưa ra các sáng kiến mới thuộc ba trụ cột chính của APEC về tự do hoá thương mại, đầu tư, thuận lợi hoá thương mại và hợp tác kinh tế kỹ thuật⁽²⁷⁾; đã chủ động tham gia, đóng góp tích cực cho nhiều hoạt động hợp tác của APEC với tinh thần trách nhiệm cao. Việc tổ chức thành công nhiều hội nghị

quốc tế lớn, đã có nhiều sáng kiến, đóng góp cho các vấn đề quan trọng trên nhiều lĩnh vực hợp tác. Trong chính sách “tái cân bằng” với châu Á-Thái Bình Dương, chính quyền Obama tiếp tục củng cố các quan hệ liên minh và thúc đẩy quan hệ với các nước khác để hạn chế một sự xáo trộn quyền lực tại khu vực, nhất là trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy cả về kinh tế và quân sự. Là siêu cường thế giới và thực hiện mục tiêu duy trì vai trò lãnh đạo toàn cầu, bảo đảm trật tự và triển khai hiệu quả chính sách tại khu vực, Hoa Kỳ cần thêm những đối tác thân thiện, bên cạnh các đồng minh truyền thống, do đó rất cần vai trò của Việt Nam. Đồng thời Hoa Kỳ cũng có nhiều lợi ích song trùng với Việt Nam trong việc kiến tạo một khu vực hòa bình, ổn định và thịnh vượng.

Thứ tư, tính chiến lược trong sự đánh giá của Hoa Kỳ đối với Việt Nam cũng được xem xét trong bối cảnh cạnh tranh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Trong Báo cáo đánh giá quốc phòng 4 năm 1 lần (2010), Hoa Kỳ cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc đặc biệt là sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cùng với vị thế của cường quốc đang lên này trên trường quốc tế trong thời gian tới như thế nào là rất quan trọng đối với lợi ích của Hoa Kỳ. Do yêu cầu mục tiêu của chiến lược toàn cầu của mình, Washington sẽ ngăn chặn sự xuất hiện bất kỳ một quốc gia nào có thể thách thức vị thế lãnh đạo thế giới của Hoa Kỳ tại 4 khu vực quan trọng là châu Âu, châu Á - Thái Bình Dương, Trung Đông và Mỹ Latinh. Ở châu Á, Trung Quốc đang lớn mạnh không ngừng cả về kinh tế, chính trị và quân sự, đang cạnh tranh với Hoa Kỳ trên phạm vi toàn cầu⁽²⁸⁾. Trong năm 2010, Trung Quốc

đã vượt qua Nhật Bản, vươn lên vị trí nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, sau Hoa Kỳ. Theo dự báo của nhiều chuyên gia và các tổ chức quốc tế, sau năm 2020, Trung Quốc có thể vượt Hoa Kỳ về GDP để trở thành nền kinh tế số 1 thế giới. Bên cạnh sự phát triển về kinh tế, Hoa Kỳ còn tỏ ra lo lắng trước sự lớn mạnh về tiềm lực quân sự của Trung Quốc cũng như việc tăng đầu tư cho lĩnh vực quốc phòng, song song đó là những hoạt động cứng rắn, quyết đoán liên tiếp của hải quân Trung Quốc ở các vùng Biển Hoa Đông và Biển Đông. Trong hơn nửa thế kỷ qua, sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế và quân sự của Trung Quốc đã tạo ra những thách thức đối với Hoa Kỳ và sự ngờ vực đang dẫn hai quốc gia này đến chỗ “cạnh tranh” không thể tránh khỏi⁽²⁹⁾. Đặc biệt, trong các năm 2009-2010, Trung Quốc đã thể hiện những hành động ##quyết đoán hơn trên một phạm vi rộng đối với các vấn đề song phương, khu vực và các vấn đề toàn cầu⁽³⁰⁾. Từ năm 1998 đến năm 2008, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc cải thiện quan hệ với các nước láng giềng thông qua kết hợp giữa hợp tác kinh tế, tiếp cận ngoại giao và kiểm chế quân sự. Bên cạnh đó, Trung Quốc hành động cứng rắn trong việc thực hiện tham vọng biển của mình, tạo ra những lo ngại trong cộng đồng quốc tế về sự trỗi dậy hòa bình của Trung Quốc, như những tuyên bố vô lý về đường 9 đoạn, những hành động cải tạo, bồi đắp đảo nhân tạo, tuyên bố tàu chiến Trung Quốc “có quyền” đâm vào tàu Nhật trên Biển Đông, lập vùng nhận dạng phòng không ở Biển Đông (ADIZ), thậm chí tỏ ra khiêu khích trong vụ va chạm tàu *Impeccable* của Hoa Kỳ⁽³¹⁾. Trung Quốc

đồng thời còn sử dụng công cụ kinh tế đối với một số quốc gia có tranh chấp chủ quyền như tạm thời dừng xuất khẩu các nguyên tố đất hiếm sang Nhật Bản và hạn chế nhập khẩu chuối từ Philippines⁽³²⁾. Hoa Kỳ mong muốn hạn chế khả năng xảy ra các cuộc xung đột quân sự quy mô lớn, đe dọa phá hỏng trật tự do Hoa Kỳ đang cố gắng xây dựng. Điều này được thể hiện rõ trong chiến lược đối với Biển Đông. Hoa Kỳ tuyên bố ủng hộ tự do, an toàn và an ninh hàng hải, phản đối các hành động gây hấn, kêu gọi tôn trọng luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982 và các nguyên tắc ứng xử khu vực. Do đó, Hoa Kỳ rất quan tâm đến các lực lượng thân thiện tại khu vực. Cả Hoa Kỳ và Việt Nam ngày càng nhận thức rõ mối đe dọa gia tăng mà một Trung Quốc trở dậy đang đặt ra cho các lợi ích chiến lược của hai bên, nhất là tại Biển Đông, đồng thời Việt Nam sẽ là một nhân tố quan trọng trong quá trình Hoa Kỳ triển khai các biện pháp trong quá trình cạnh tranh ảnh hưởng cũng như kiểm chế Trung Quốc tại khu vực.

2.1 Quan hệ song phương đạt nhiều thành tựu quan trọng

Trong bối cảnh chính quyền của Tổng thống B. Obama triển khai chiến lược “xoay trục” và “tái cân bằng” nhằm tăng cường sự hiện diện của mình tại châu Á – Thái Bình Dương cũng như đặt các trọng tâm chiến lược vào khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là một nhân tố được đánh giá có những “giá trị” về mặt chiến lược. Trên cơ sở đó, mối quan hệ song phương giữa hai quốc gia được thúc đẩy một cách nhanh chóng, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, được đánh giá là giai đoạn phát triển rất sôi động trong lịch sử quan hệ giữa hai quốc gia, là một

minh chứng quan trọng cho thấy quá trình cụ thể hóa những đánh giá trong tư duy chiến lược của Hoa Kỳ đối với Việt Nam trong thực tiễn. Trên thực tế, xuất phát từ đánh giá chiến lược của cả hai phía dành cho nhau mà quan hệ song phương đạt được nhiều kết quả trên hầu hết các phương diện, trong đó có thể kể đến hai phương diện quan trọng và nổi bật nhất là chính trị - ngoại giao và kinh tế.

*** Chính trị - ngoại giao**

Về mặt chính trị, ngoại giao, Hoa Kỳ tích cực thực thi chính sách tăng cường quan hệ với các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam, góp phần thúc đẩy mối quan hệ chính trị giữa hai quốc gia phát triển lên những tầm cao mới, có ý nghĩa chiến lược. Từ năm 2008 đến nay, các hoạt động ngoại giao diễn ra hết sức sôi động, hai bên đã trao đổi khá thường xuyên các chuyến thăm viếng chính thức cấp cao nhất. Có thể kể đến các chuyến viếng thăm có tính “dấu ấn”, “lịch sử”, và “thành tựu” như: chuyến viếng thăm chính thức của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đến Hoa Kỳ từ ngày 23 đến 26/6/2008; ở cấp Bộ ngoại giao, Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm hai lần sang thăm chính thức Hoa Kỳ (9 - 16/3/2007; 1 - 2/10/2009), đáp lại từ phía Hoa Kỳ, Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Hillary Clinton cũng thực hiện nhiều chuyến thăm, làm việc đến Việt Nam (22 - 23/7/2010; 29 - 30/10/2010; 10 - 11/7/2012). Trong một chuyến thăm của mình, Ngoại trưởng Clinton nhấn mạnh tổng kết mới về Việt Nam khi nói rằng “chính quyền Obama đang chuẩn bị để mối quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam được nâng lên tầm cao mới... Chúng ta thấy mối quan hệ này không chỉ

quan trọng về giá trị riêng của nó, mà còn như là một phần của một chiến lược nhằm tăng cường sự tham gia của Hoa Kỳ ở khu vực châu Á Thái Bình Dương và đặc biệt là Đông Nam Á⁽³³⁾. Đặc biệt, chuyến viếng thăm của Cựu Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đến Hà Nội vào tháng 7/2012 đã khởi đầu cho chuyến viếng thăm lịch sử của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Hoa Kỳ vào năm 2015. Trong chuyến đi này, bà Clinton đã gặp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và mời ông đến thăm Hoa Kỳ. Tinh biểu tượng của cử chỉ này là Washington chấp nhận sự khác biệt về ý thức hệ với chế độ của Việt Nam và xem Đảng Cộng sản cầm quyền của Việt Nam là một đối tác, và các nhà lãnh đạo ở Hà Nội đã chấp nhận quan hệ đối tác này. Ý nghĩa đằng sau lời mời của bà Clinton được xem là quan trọng đối với Hà Nội. Nó cho thấy rằng, mặc dù là đối lập về ý thức hệ, Mỹ thực sự muốn thiết lập quan hệ nghiêm túc với Việt Nam. Trên thực tế, cuộc gặp đã mở ra cánh cửa quan hệ thực chất giữa Chính phủ Mỹ và Đảng Cộng sản Việt Nam⁽³⁴⁾. Trên cơ sở những kết quả đạt được, trong chuyến thăm chính thức tại Hoa Kỳ từ 24 đến 26/7/2013, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và Tổng thống Hoa Kỳ Obama đã ra Tuyên bố chung xác lập mối quan hệ Đối tác toàn diện Việt - Mỹ dựa trên các nguyên tắc tôn trọng Hiến chương LHQ, luật pháp quốc tế, tôn trọng thể chế chính trị, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau⁽³⁵⁾. Việc xây dựng khuôn khổ Đối tác toàn diện Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ không chỉ phục vụ tốt hơn lợi ích hai nước mà còn đóng góp vào hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Đây là kết quả của những nhận thức về lợi ích chung, cơ bản và quá trình hợp tác hướng tới tương lai của cả hai bên; mở ra một thời kỳ hợp tác được nâng tầm, có sự chuyển biến về chiều sâu. Từ ngày 14 đến 17/12/2013, Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ John Kerry đã sang thăm chính thức Việt Nam. Sự kiện này được cả hai nước đánh giá là một sự chuyển biến sâu sắc trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Có hai điểm chính nổi bật trong chuyến công du của ông Kerry: “Chuyến đi này nhằm nhấn mạnh rằng Mỹ chú ý và sẽ ở lại Châu Á để giúp đỡ khu vực này. Điểm thứ hai là trong cuộc thăm viếng này, ông Kerry quan tâm đặc biệt đến hai nước là Việt Nam và Philippines, hai nước có nhiều tranh chấp với Trung Quốc nhất và quan ngại nhiều về việc liệu Mỹ có khả năng cam kết lâu dài ở khu vực hay không”⁽³⁶⁾. Đặc biệt, vào năm 2015, trong bối cảnh kỷ niệm 20 năm bình thường hóa quan hệ, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có chuyến thăm Hoa Kỳ. Đây là lần đầu tiên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, một chức danh không có trong hệ thống chính trị của Hoa Kỳ, thăm chính thức Hoa Kỳ - một quốc gia vốn là cựu thù, có hệ thống chính trị khác biệt. Chuyến thăm đã một lần nữa khẳng định, hai quốc gia có chế độ chính trị khác nhau vẫn có thể vượt qua khác biệt, hiểu biết và chấp nhận nhau, hợp tác với nhau vì lợi ích chung, quan hệ song phương càng được củng cố, thắt chặt và làm sâu sắc thêm. Việc Hoa Kỳ mời Tổng Bí thư thăm chính thức đã thể hiện sự tôn trọng đầy đủ hơn thể chế chính trị của Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể nói, đây là một chuyến thăm lịch sử,

một dấu mốc vô cùng quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, mở ra một chương mới, thể hiện một sự tin tưởng lẫn nhau cao chưa từng thấy trong quan hệ giữa 2 quốc gia từng là cựu thù. Ngay năm sau đó, 2016, Tổng thống Barack Obama có chuyến thăm chính thức đến Việt Nam từ 22 đến 25/5/2016 đánh dấu một cột mốc quan trọng nữa trong việc cải thiện quan hệ giữa hai nước, mức độ tin cậy chính trị tăng cao.

* Kinh tế

Kinh tế là lĩnh vực đạt được nhiều thành tựu vượt bậc và thuận lợi nhất trong sự phát triển quan hệ giữa hai quốc gia và cũng là một trong các mục tiêu trọng tâm trong quá trình triển khai chính sách của Hoa Kỳ tại khu vực. Hoa Kỳ là đối tác lớn thứ hai của Việt Nam trên toàn thế giới, đứng sau Trung Quốc và là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong khu vực châu Mỹ. Năm 2009, Hoa Kỳ đã xuất khẩu 3 tỷ USD hàng hóa sang Việt Nam và nhập khẩu 12,3 tỷ USD hàng hóa từ Việt Nam. Tương tự, các công ty của Hoa Kỳ cũng tiếp tục đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Chỉ riêng trong năm 2009, các doanh nghiệp tư nhân của Hoa Kỳ đã cam kết đầu tư trực tiếp 9,8 tỷ USD vào Việt Nam⁽³⁷⁾. Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam trong trao đổi thương mại với Hoa Kỳ luôn duy trì mức thặng dư lớn. Cụ thể trong năm 2010, mức thặng dư hàng hóa của Việt Nam trong buôn bán trao đổi thương mại với Hoa Kỳ đã vượt qua con số 10 tỷ USD, cao gấp 26,5% so với năm 2009. Đến năm 2012, nhờ kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ cao gấp 4 lần so với kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước từ thị trường này, mức

xuất siêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã lên tới 14,8 tỷ USD. Đến năm 2013, xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ cao gấp 4,5 lần so với nhập khẩu, dẫn đến mức xuất siêu của Việt Nam sang thị trường này đạt con số kỷ lục 18,6 tỷ USD⁽³⁸⁾. Số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam cho thấy Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ hàng hoá lớn nhất của Việt Nam và là thị trường cung cấp hàng hóa lớn thứ 7 sang thị trường Việt Nam trong năm 2012⁽³⁹⁾. Đối với Hoa Kỳ, Việt Nam là đối tác xếp thứ 23 về xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ và xếp thứ 40 về nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ thị trường này. Việc kim ngạch thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ năm 2013 tăng hơn 50 lần so với mức 451 triệu USD năm 1995 khi hai nước bình thường hóa quan hệ, đưa quan hệ với các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu tạo điều kiện để Việt Nam tham gia đàm phán một số hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực⁽⁴⁰⁾. Có thể thấy, quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ đã liên tục có những bước tiến tốt đẹp và không ngừng được đẩy mạnh, hợp tác kinh tế được đánh giá là lĩnh vực có sự phát triển vượt bậc và đáng kể nhất trong quan hệ song phương.

3. Kết luận

Có thể thấy rằng, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc định vị Việt Nam trong tư duy chiến lược của Hoa Kỳ, trong phạm vi hạn chế, bài viết tập trung nghiên cứu 3 yếu tố bao gồm: (i) chính sách đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, (ii) sự quan tâm đối với khu vực Đông Nam Á, (iii) vấn đề an ninh ở khu vực mà cụ thể ở đây là vấn đề tranh chấp ở Biển Đông mà Việt Nam chính là một nhân tố nằm trong các vòng tròn chính sách đó của Hoa Kỳ.

Trong tư duy chiến lược của mình, Hoa Kỳ đánh giá Việt Nam là một nhân tố có nhiều ý nghĩa trên các phương diện, trước hết là xuất phát từ nội lực phát triển của Việt Nam để tạo nên một vị thế về kinh tế và chính trị trong khu vực, có tiếng nói và vai trò ngày càng quan trọng trên các diễn đàn đa phương, đồng thời là tài nguyên vị trí mang tính “chiến lược” của Việt Nam, và bên cạnh đó là vị trí của Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Trong quá trình triển khai chính sách, chính quyền Tổng thống B. Obama đánh giá việc củng cố mối quan hệ với Việt Nam là “một trụ cột trong sự hiện diện của chúng ta ở khu vực (Thái Bình Dương) và sự tham gia của chúng ta trong các thể chế đa phương ở châu Á Thái Bình Dương”⁽⁴¹⁾. Quan điểm tích cực này về Việt Nam đã khuyến khích Mỹ thúc đẩy các mối quan hệ gần gũi hơn giữa hai nước. Hoa Kỳ ngày càng coi trọng quan hệ với Việt Nam với tư cách là một đối tác quan trọng trong khu vực, bên cạnh các đồng minh truyền thống và các đối tác mới khác. Chẳng những không có xung đột chiến lược giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, mà với cách đánh giá của Hoa Kỳ, Việt Nam là một lực lượng quan trọng, có vai trò về mặt chính trị và chiến lược, sẽ có những đóng góp quan trọng vào trật tự an ninh đang nổi lên ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam và Hoa Kỳ cũng có những lợi ích song trùng quan trọng nên các chính quyền của Hoa Kỳ đều muốn nâng cấp quan hệ với Việt Nam, thúc đẩy quan hệ theo cả chiều rộng và chiều sâu. Đặc biệt, mối quan hệ này phát triển hết sức sôi động thời kỳ chính quyền Obama,

mở ra khả năng thiết lập một mối quan hệ đối tác chiến lược./

CHÚ THÍCH

1. Lê Thị Nga (2009), “Chuyến công du gây nhiều suy đoán”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2009/2518/Chuyen-cong-du-gay-nhieu-suy-doan.aspx>
2. Phạm Thị Thanh Bình (2011), “Châu Á - Thái Bình Dương trước thềm thế kỷ XXI”, http://www.cpv.org.vn/cpv/modules/news/newsdetail.aspx?cn_id=447393&co_id=30066
3. Ngọc Linh (2013), “Chiến lược “xoay trục - đảo chiều” có đem lại thành công cho nước Mỹ”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2013/19981/Chien-luoc-xoay-truc-dao-chieu-co-dem-lai-thanh-cong.aspx>
4. Lê Thế Mậu (2012), “Mỹ điều chỉnh chiến lược ở châu Á - Thái Bình Dương”, Tạp chí *Thông tin đối ngoại điện tử*, ngày 26/7/2012, <http://www.vietnam.vn/c1081n20120726105834890/my-dieu-chinh-chien-luoc-o-chau-thai-binh-duong.htm>
5. The White House Office of the Press Secretary (2011), “Remarks By President Obama to the Australian Parliament,” November 17, 2011. <http://www.whitehouse.gov/the-press-office/2011/11/17/remarks-president-obama-australian-parliament>
6. Clinton, Hillary (2011), “America’s Pacific Century”, Foreign Policy Americas Pacific Century Comments, <http://foreignpolicy.co/2011/10/11/americas-pacificcentury/>
7. “Sustaining US Global Leadership: Priorities for 21st Century Defense,” US Defense Department. January 2012, http://archive.defense.gov/news/Defense_St

- ategic_Guidance.pdf
8. "The US Rebalance Towards the Asia-Pacific: Leon Panetta", IISS, June 2, 2012, <http://www.iiss.org/en/events/shangri-la-dialogue/archive/sld12-43d9/first-plenary-session-2749/leonpanetta-d67b>
 9. "Defense.gov Deputy Secretary of Defense Speech: The US Strategic Rebalance to Asia: A Defense Perspective", US Department of Defense, August 1, 2012, <http://archive.defense.gov/speeches/speech.aspx?speechid=1715>
 10. Lê Khương Thùy (2010), "Sự điều chỉnh chính sách Đông Nam Á của chính quyền Obama", Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 12/2010, tr. 37-38
 11. TS. Cù Chí Lợi (2012), "Chính sách của Hoa Kỳ đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương và những hàm ý đối với Việt Nam", Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 07-2012, tr. 5
 12. Nguyễn Ngọc Diệp (2013), "Hi-la-ri Clinton và Chiến lược ngoại giao của Mỹ", *Báo Biên phòng*, <http://bienphong.com.vn/BaoBiEnPhong/32/388/388/17903/Hi-la-ri-Clinton-va-Chien-luoc-ngoai-giaocua-My/bbp.aspx>
 13. The International Institute for Strategic Studies (2012), "U.S. rebalance: potentials and limits in Southeast Asia", *Strategic Comments*, No. 49, 19/12/2012
 14. Nguyễn Nhâm (2011), "Những điểm mới trong chiến lược của Mỹ đối với ASEAN và Biển Đông", Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 12/2011, tr. 20
 15. Ngô Xuân Bình (2007), "Quan hệ Mỹ - ASEAN trong bối cảnh mới", Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 8 (78), tr. 5 - 12
 16. TS. Cù Chí Lợi (2012), "Chính sách của Hoa Kỳ đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương và những hàm ý đối với Việt Nam", Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 07-2012, tr. 7
 17. Lê Đức Tố (chủ biên), *Biển Đông*, tập 1: Khái quát về biển Đông, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2003, tr. 1
 18. Jing-dong Yuan (2006), "China-ASEAN Relations: Perspectives, Prospects and Implications for U.S.", *Interests*, October 2006, p.9, <http://www.StrategicStudiesInstitute.army.mil/>
 19. Export-to-GDP and import-to-GDP ratios are from the World Bank's World Development Indicators (WDI) (World Bank, 2017)
 20. Tom Barker, Murat #ng#r (2018), "Vietnam: The Next Asian Tiger?", *Economics Discussion Papers*, No. 1803, <https://www.otago.ac.nz/economics/otago682041.pdf>, p. 9
 21. Chaponnière, J.-R., Cling, J.-P., Zhou, B (2008), "Vietnam following in China's footsteps: The third wave of emerging Asian economies", UNU-WIDER Research Paper No. 2008, p. 84
 22. Outperformers: High-growth emerging economies and the companies that propel them, <https://www.mckinsey.com/featured-insights/innovation-and-growth/outperformers-high-growth-emerging-economies-and-the-companies-that-propel-them>
 23. Central Intelligence Agency, "Vietnam, East & Southeast Asia," <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/my.html>
 24. Aaron Scott Turner (2014), "Vietnam and the United States: Convergence but Not Congruence of Strategic Interests in the South China Sea", *International Affairs Review*, Volume XXIII, <http://iar-gwu.org/sites/default/files/articlepdfs/2-US-Vietnam%20Security-Turner.pdf>, p. 8
 25. Môi trường địa - chính trị Đông - Nam Á với hội nhập Việt Nam - ASEAN, *Tạp chí Cộng sản*, số 16, tháng 8-2006
 26. Sadhavi Chauhan (2013), "Vietnam's role in ASEAN", *The East Asia Forum*, <http://www.eastasiaforum.org/2013/10/23/vietnams-role-in-asean/>
 27. 10 năm Việt Nam gia nhập APEC, <http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr04080>

- 7104143/mr040807105001/ns081217091422
28. Hughes, Christopher W. (2009), "Japan's military modernisation: a quiet Japan-China arms race and global power projection", *Asia-Pacific Review*, Vol.16, No.1, pp. 84-89
 29. Friedberg, Aaron L. A (2011), "Contest for Supremacy: China, America, and the Struggle for Mastery in Asia", New York: W.W. Norton & Company, p.2
 30. Xem Bader, chapter seven; and Michael D. Swaine, "China's Assertive Behavior Part One: On 'Core Interests,'" *China Leadership Monitor* No. 34 (Winter 2011), <http://media.hoover.org/documents/CLM34MS.pdf>; Michael D. Swaine and M. Taylor Fravel, "China's Assertive Behavior—Part Two: The Maritime Periphery," *China Leadership Monitor* No. 35 (Summer 2011), <http://media.hoover.org/documents/CLM35MS.pdf>; Michael D. Swaine, "China's Assertive Behavior Part Three: The Role of the Military in Foreign Policy," *China Leadership Monitor* No. 36 (Winter 2012), <http://media.hoover.org/documents/CLM36MS.pdf>; and Michael D. Swaine, "China's Assertive Behavior Part Four: The Role of the Military in Foreign Crises," *China Leadership Monitor* No. 37 (Spring 2012), <http://media.hoover.org/documents/CLM37MS.pdf>
 31. Xem Mark Redden and Phillip C. Saunders, *Managing Sino U.S. Air and Naval Interactions: Cold War Lessons and New Avenues of Approach*, *China Strategic Perspectives*, No. 5 (Washington, DC: NDU Press, 2012), www.ndu.edu/press/lib/pdf/chinaperspectives/ChinaPerspectives-5.pdf
 32. Bonnie S. Glaser, *China's Coercive Economic Diplomacy—A New and Worrying Trend*, *PacNet* Number 46 (Honolulu, HI: Pacific Forum CSIS, July 23, 2012), <http://csis.org/publication/pacnet-46-chinas-coercive-economic-diploma-cy-new-andworrying-trend>
 33. U.S. Department of State, "Secretary of State Hillary Rodham Clinton Remarks With Vietnam Deputy Prime Minister And Foreign Minister Pham Gia Khiem," Government Guest House, Hanoi, Vietnam, July 22, 2010
 34. Alexander L. Vuying (2015), "A Breakthrough in US-Vietnam Relations", *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2015/04/a-breakthrough-in-us-vietnam-relations/>
 35. "Việt Nam, Mỹ xác lập quan hệ đối tác toàn diện", *VnExpress - Tin nhanh Việt Nam*, ngày 26/7/2013. <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/tu-lieu/viet-nam-my-xac-lap-quan-he-doi-tac-toan-dien-2855759.html>
 36. Văn Linh (2013), "Bộ Ngoại giao Mỹ tổng kết chuyến thăm Việt Nam của ông Kerry", *Báo Đời sống & Pháp luật online*, [http://www.doisongphapluat.com/tin-tuc/the-gioi/my-tong-kechuyen-tham-viet-nam-cua-ngoai-truong-john-kerry-a14170.html#.U7gtyShfxco](http://www.doisongphapluat.com/tin-tuc/the-gioi/my-tong-ket-chuyen-tham-viet-nam-cua-ngoai-truong-john-kerry-a14170.html#.U7gtyShfxco)
 37. Báo cáo Quốc gia về Việt Nam của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ được cập nhật ngày 30/11/2010. http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/us-vn_relations.html
 38. Thống kê của Hải quan Việt Nam, ngày 11/3/2014, <http://www.customs.gov.vn/lists/tinhoatdong/ViewDetails.aspx?ID=20770&Category=Th%E1%BB%91ng%20k%C3%A%A%20H%E1%BA%A3%20quan>
 39. Các số liệu dẫn từ Website của Tổng cục Hải quan, ngày 26/7/2013, T1dd
 40. Phạm Bình Minh, "Xây dựng đối tác chiến lược, đối tác toàn diện-nguồn sức mạnh mềm của Việt Nam". http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cs_doi-ngoai/ns140217232521
 41. "Những phân tố ảnh hưởng đến quan hệ Việt-Mỹ", <http://nghiencuubiendong.vn/quan-h-quc-t/1067-nhng-nhan-t-nh-hng-n-quan-h-vit-m>